

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 816/2019/HC-PT

Ngày: 16/9/2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hải.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đỗ Thanh Hương.

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H. .

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H. đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3161/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Chí H., sinh năm 1970.

Địa chỉ: 71/15/1, Đường số 8, Khu phố 2, phường Trường Th. , quận Thủ Đức. , Thành phố H. .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Hà Thị Thanh là cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước Thành phố H. .

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức. .

2.2. UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức. .

Địa chỉ: 134, đường Hồ Văn Tư, phường Trường Th. , quận Thủ Đức. , Thành phố H. .

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Cù Thoại V. , sinh năm 1983, chức vụ Phó Chủ tịch UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức. , là người

đại diện theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 17/11/2017 và Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 18/6/2018.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Đức V1., sinh năm 1953, địa chỉ: 132/1, Hồ Văn Tư, Khu phố 2, phường Trường Th. , quận Thủ Đ. , Thành phố H. .

3.2. Ông Đậu Văn Kh. , sinh năm 1965, địa chỉ: 71/5, Đường số 8, Khu phố 2, phường Trường Th. , quận Thủ Đ. , Thành phố H. .

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Chí H., sinh năm 1970, địa chỉ: 71/15/1, Đường số 8, Khu phố 2, phường Trường Th. , quận Thủ Đ. , Thành phố H. .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/11/2017, 21/3/2018, ngày 24/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Chí H. trình bày:

Ngày 30/9/2017, ông nhận được Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Trường Th. quận Thủ Đ. về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị (sau đây gọi là Quyết định số 676). Không đồng ý với quyết định của Chủ tịch UBND phường Trường Th. (sau đây gọi là Chủ tịch UBND phường Trường Th.), nên ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Thủ Đ. để yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Trường Th. .

Những căn cứ mà ông H. đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hủy quyết định trên đó là: Chủ tịch UBND phường Trường Th. không giao quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho ông; ông không có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; việc chính quyền địa phương cho rằng ông có hành vi vi phạm hành chính vào năm 2014 là không đúng, nhà ông xây dựng từ năm 1988.

Ngày 20/3/2018, ông nhận được Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của Chủ tịch UBND phường Trường Th. (sau đây gọi là Quyết định số 610) về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra. Không đồng ý với quyết định này, nên ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Thủ Đ. để yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của Chủ tịch UBND phường Trường Th. .

Những căn cứ mà ông H. đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hủy quyết định trên đó là: Ban hành không với quy định của pháp luật cả nội dung lẫn hình thức; Ông không có hành vi xây dựng công trình sau nhà 71/15/1, đường số 8, khu phố 2, phường Trường Th. , quận Thủ Đ. ; Ông không sử dụng một phần thửa 33, tờ bản đồ số 37, theo tài liệu 2005 như số thửa trong Quyết định 610 đã nêu; Việc lập biên bản và niêm yết vắng ông là không phù hợp bởi ông thường xuyên có mặt tại địa phương.

Do Chủ tịch UBND phường Trường Th. ban hành Quyết định số 610 và Quyết định số 676 không đúng với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông yêu cầu cơ quan chủ quản là UBND phường Trường Th. phải có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền là 2.000.000 đồng theo Luật bồi thường trách nhiệm của nhà nước (bao gồm: Tiền mua tôn, tiền thuê công làm).

Người bị kiện Chủ tịch UBND phường Trường Th. có đại diện theo ủy quyền bà Cù Thoại V. trình bày như sau:

Khu đất có nguồn gốc trước năm 1975 được chính quyền chế độ cũ sử dụng làm khu trại lính. Sau năm 1975, UBND xã Linh Đông, huyện Thủ Đức quản lý nhưng không sử dụng, sau đó các hộ dân vào lấn chiếm xây dựng nhà ở. Sau khi phối hợp đơn vị đo đạc kiểm tra hiện trạng vị trí đất theo Bản đồ hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Thủ Đức lập ngày 04/11/2015, UBND phường Trường Th. nhận thấy nhà đất của ông H. đang sử dụng có một phần mái che tôn và hàng rào lấn sang thửa số 33 (theo tài liệu bản đồ năm 2005 thuộc một phần thửa 13 tờ bản đồ số 37), vị trí phía sau nhà 71/15/1, Đường 8, Khu phố 2, phường Trường Th. , thuộc phần đất công khu thành lính của chế độ cũ do UBND phường Trường Th. quản lý, đang thực hiện chủ trương bán đấu giá theo chỉ đạo của UBND Thành phố H. tại Văn bản số 7081/UBND-KT ngày 07/12/2016 về thay đổi phương án xử lý khu đất 15.526m² (khu đất thành lính), Khu phố 2, phường Trường Th. , quận Thủ Đức , cụ thể: Đối với phần diện tích 07 khu đất trống bị lấn chiếm diện tích 1.125,4m² (trong đó có phần đất của ông Hiếu) và phần diện tích UBND phường Trường Th. cho thuê (17,2m²) chấp thuận cho UBND quận Thủ Đức bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định nếu phù hợp quy hoạch.

Công trình xây dựng của ông H. tại địa chỉ số 71/15/1, Đường số 8, khu phố 2, phường Trường Th. với kết cấu cột sắt, mái tôn, diện tích vi phạm 5,9m², thời điểm vi phạm năm 2014. Tháng 6/2017, UBND phường Trường Th. kiểm tra phát hiện ông H. có hành vi vi phạm hành chính và có Thông báo số 81/TB-UBND ngày 28/4/2017 và Thông báo số 100/TB-UBND ngày 01/6/2017 yêu cầu ông H. tháo dỡ vật kiến trúc trên các khu đất trống do nhà nước quản lý (đất công) tại tổ 9, 10 khu phố 2, phường Trường Th. nhưng ông H. không thực hiện. Ngày 24/7/2017, UBND phường Trường Th. đã lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với ông H. và đã được niêm yết cho ông Hiếu, do ông H. không tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm nên Chủ tịch UBND phường Trường Th. ban hành Quyết định số 610 và Quyết định số 676 với ông H. là đúng theo trình tự thủ tục luật định.

Vì vậy UBND phường Trường Th. không chấp thuận bồi thường số tiền 2.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Hiếu.

Người làm chứng ông Nguyễn Đức VI. và ông Đậu Văn Kh. trình bày: Nhà của ông H. tại địa chỉ số 71/15/1 đường số 8, khu phố 2, phường Trường Th. , quận Thủ Đức ; đã được xây dựng trước năm 2014.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 113/2018/QĐ-TA ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, đã tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Chí H. về yêu cầu Chủ tịch UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, do ông H. rút đơn ngày 24/5/2018.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H. về việc hủy quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 và quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức. .

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H. về việc yêu cầu UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/10/2018, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Chí H. về việc kháng cáo sửa bản án sơ thẩm và hủy Quyết định số 610 và Quyết định số 676 của Chủ tịch UBND phường Trường Th. , buộc UBND phường Trường Th. bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông H. và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H. trình bày lý do kháng cáo như sau:

Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, và nhận định người bị kiện ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện là đúng trình tự, thủ tục theo luật định là không đúng, cụ thể như sau:

Quyết định số 610 được ban hành trái pháp luật, không đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

UBND phường Trường Th. lập hai biên bản xác minh cùng giờ cùng ngày 22/7/2017, thực tế là không có xác minh và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đánh giá hai biên bản này nhưng lại nhận định là đúng trình tự thủ tục. Thủ tục niêm yết sau nhà không đúng vị trí nhà ông H. phía trước.

Quyết định số 676 không xác định vị trí vi phạm mà ghi vị trí theo họa đồ hiện trạng do công chức địa chính phường lập nhưng không thấy người bị kiện cung cấp họa đồ hiện trạng này.

Vị trí công trình xây dựng bị cưỡng chế thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ số 37 theo tài liệu 2005 là không đúng với vị trí vi phạm thuộc một phần thửa 33, tờ bản đồ 37, tài liệu 2005 theo các văn bản của người bị kiện.

Theo Văn bản số 5790 ngày 26/7/2017 của Sở Tài chính Thành phố H. và Văn bản số 7081 ngày 07/12/2016 của UBND Thành phố H. thì chỉ cưỡng chế lấy đất bán đấu giá đối với những hộ lấn chiếm sau ngày 07/12/2016, còn những hộ lấn chiếm trước đó được xem xét để hợp thức hóa quyền sử dụng đất, nên trường hợp của ông H. không thuộc phải tháo dỡ.

- Về hành vi vi phạm của ông Hiếu:

Người bị kiện ban hành các quyết định trên cơ sở xác minh ông H. vi phạm xây dựng vào năm 2014 mà không cần biết ngày tháng nào ông H. vi phạm là không làm đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Hiếu, vì nếu công trình xây trước ngày Luật xây dựng năm 2014 có hiệu lực sẽ được phép tồn tại theo luật định.

Bản án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các chứng cứ, cụ thể biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/12/2018 có hai người làm chứng là ông Vượng và ông Khương đều xác định ông H. sử dụng phần đất này trên 20 năm. Phần cưỡng chế 5,9m² đất có cột sắt, mái tôn là mặt tiền của nhà ông H. và là phần kết cấu không thể tách rời với mái tôn khung sắt rộng hơn 32m², nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Năm 2014, ông H. không có hành vi xây dựng không có giấy phép xây dựng vì công trình đã có từ năm 1988 được chứng minh bằng các hình ảnh được chụp vào năm 1998. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H. thay đổi lời khai xác định lại việc xây công trình vi phạm vào khoảng thời gian từ năm 1998 đến 1999. Về bản vẽ hiện trạng vị trí số 1736 ngày 04/11/2015 và tài liệu Google map do Ủy ban cung cấp và cho rằng thời điểm vẽ bản vẽ này thể hiện chưa có công trình vi phạm của ông nhưng ông hoàn toàn không biết. Hành vi của ông H. phải được xác định là hành vi xây trên đất không được phép xây dựng chứ không phải xây không xin phép, thực tế phần ông H. xây dựng là đất trống mà không phải đất công thuộc Ủy ban phường quản lý.

Người bị kiện có người đại diện theo ủy quyền là bà Cù Thoại V. xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí H., giữ nguyên bản án sơ thẩm, và có ý kiến như sau về các lý do kháng cáo của người bị kiện:

Việc ban hành các Quyết định hành chính bị khiếu kiện của Chủ tịch UBND phường Trường Th. là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Có hai biên bản xác minh cùng ngày 22/7/2017, một biên bản chỉ có chữ ký của ông Đậu Văn Kh. và một biên bản có hai chữ ký của ông Đậu Văn Kh. và ông Nguyễn Đức V1., là do sơ suất của cán bộ khi không kiểm tra còn thiếu chữ ký của ông Vượng, đồng thời đã khắc phục thiếu sót bằng cách làm lại biên bản xác minh có đầy đủ chữ ký của hai người làm chứng là ông Khương và ông Vượng, nhưng về nội dung là không thay đổi. Thủ tục niêm yết đúng quy định, việc người khởi kiện cho rằng niêm yết không đúng là do cách hiểu của người khởi kiện.

Quyết định số 676 được thực hiện trên cơ sở Quyết định 610 có xác định vị trí vi phạm thuộc một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ 37 (TL 2005), phường Trường Th. , quận Thủ Đ. , còn họa đồ hiện trạng do công chức địa chính phường lập dựa trên bản vẽ xác định ranh giới thửa đất của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Địa ốc Vạn Phú Thịnh lập ngày 23/5/2017 theo yêu cầu đo vẽ của UBND phường Trường Th. .

Về vấn đề ông H. cho rằng vị trí công trình xây dựng bị cưỡng chế thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ số 37 theo tài liệu 2005 là không đúng với vị trí vi phạm thuộc một phần thửa 33, tờ bản đồ 37 theo tài liệu 2005 của các văn bản của người bị kiện, đã được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H. – Chi nhánh quận Thủ Đ. trả lời tại Công văn số 1996 ngày 15/5/2019 (tài liệu người bị kiện mới bổ sung) thể hiện vị trí khu đất số 33 tại Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1736 ngày 04/11/2015 thuộc một phần thửa đất số 37 theo Tài liệu bản đồ năm 2005.

Trường hợp của ông H. không vận dụng tinh thần Văn bản số 5790 ngày 26/7/2017 của Sở Tài chính Thành phố H. và Văn bản số 7081 ngày 07/12/2016 của UBND Thành phố H. vì ông H. xây dựng trên phần đất công thuộc quyền quản lý của nhà nước, phần diện tích 5,9m² nằm trong 07 khu đất trống có chủ trương bán đấu giá của Ủy ban Thành phố nên Ủy ban phường phải tiến hành xử lý để thu hồi đất cho nhà nước.

Về hành vi vi phạm của ông Hiếu:

Theo ông H. cho rằng công trình vi phạm đã có từ năm 1998 mà không phải ông xây từ năm 2014 là không đúng, bởi lẽ, căn cứ vào Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1736 ngày 04/11/2015 và Hợp đồng đo đạc số 1736 ngày 03/11/2014 giữa UBND quận Thủ Đ. với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thủ Đ. , chứng minh tại thời điểm tiến hành thủ tục đo vẽ để xác lập phần đất công vào tháng 11/2014 đã thể hiện không có công trình vi phạm của ông Hiếu.

Việc ông H. lúc khai công trình đã có từ năm 1988 và lúc khai trong khoảng từ năm 1998 đến 1999 là không đúng vì tài liệu bản đồ năm 2005, tài liệu Google map năm 2013, 2014 và giấy mua bán viết tay năm 2005 đều không thể hiện có công trình này. Ngoài ra, hình ảnh ông H. cung cấp để xác định công trình đã có từ năm 1998 và hình ảnh hiện trạng đều có sự khác nhau về toàn bộ khung sắt nên không đủ cơ sở để chấp nhận lời khai của ông H. xác định công trình vi phạm đã có từ năm 1998.

Việc luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông H. cho rằng hành vi xây dựng của ông H. là hành vi xây dựng trên đất không được phép xây dựng, theo quy định pháp luật cơ quan có thẩm quyền được quyền xử lý nhiều hành vi vi phạm hành chính, tuy nhiên, trong trường hợp này, khi ông H. muốn xây dựng bất cứ công trình nào cũng phải xin phép cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật xây dựng, nên UBND phường Trường Th. mới chỉ xử lý hành vi xây không có giấy phép, còn các hành vi khác sẽ được xem xét xử lý sau.

Việc UBND phường Trường Th. chỉ cưỡng chế tháo dỡ phần diện tích 5,9m² thuộc đất công mà không tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm gồm toàn bộ khung sắt ngang 4m, dài 8m vì Ủy ban chỉ lấy lại phần đất công, phần công trình vi phạm còn lại Ủy ban chưa xem xét xử lý.

Trong quá trình giải quyết phúc thẩm, để có cơ sở giải quyết yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ sau:

- Lời khai của hai người làm chứng ông Đậu Văn Kh. và ông Nguyễn Đức V1. xác định nhà của ông H. được xây dựng trước năm 2014, nhưng phần công trình vi phạm được xây vào năm 2014. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vương có mặt bổ sung thêm lời khai: xác định vào tháng 4/2014 khi đến làm chứng việc Ủy ban phường xử lý công trình vi phạm tiếp giáp phần công trình vi phạm của ông H. thì chưa có công trình vi phạm của ông Hiếu.

- Công văn số 1988 ngày 15/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H. – Chi nhánh quận Thủ Đức. .

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 55, 56, 57, 58 và Điều 153 Luật Tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Chí H. còn trong thời hạn quy định nên được chấp nhận để xem xét. Việc Chủ tịch UBND phường Trường Th. quận Thủ Đức ban hành các Quyết định hành chính bị khiếu kiện là đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí H., giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thủ tục tố tụng theo quy định Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Ngày 26/10/2018, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận được đơn của ông Nguyễn Chí H. kháng cáo Bản án sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. còn trong thời hạn luật định theo Khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[1.3] Tuy nhiên, có một số sai sót về thủ tục tố tụng của Tòa cấp sơ thẩm cần phải được xem xét và điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Về việc người khởi kiện có đơn rút yêu cầu khởi kiện Chủ tịch UBND phường Trường Th. bồi thường thiệt hại do cưỡng chế trái luật và bổ sung yêu cầu khởi kiện UBND phường Trường Th. bồi thường thiệt hại, nhưng bản chất người khởi kiện chỉ điều chỉnh, sửa đổi để xác định lại tư cách của người bị kiện chứ không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, do đó, một phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Chí H. về yêu cầu Chủ tịch UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đ. bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, do ông H. rút đơn ngày 24/5/2018, là không đúng nên cần phải sửa lại phần này.

Về Quyết định số 113/2018/QĐ-TA ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đ. tại dòng thứ 15 từ trên xuống sửa chữa, bổ sung Bản án số 08/2018/HC-ST ngày 16/10/2018 về phần án phí có ghi hoàn trả lại cho ông Nguyễn Chiến Hiếu là không đúng tên người khởi kiện, tuy nhiên do sai sót này vẫn khắc phục được nên cần phải được sửa lại để đảm bảo cho việc thi hành án, nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[1.4] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. cho rằng Thẩm phán được phân công giải quyết phúc thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là có cơ sở, nên Thẩm phán cần phải rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá đúng tính hợp pháp và có căn cứ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Tuy nhiên, về cách đánh giá tài liệu, chứng cứ còn một số thiếu sót dẫn đến một số lý do kháng cáo của người khởi kiện cần được xem xét như sau:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành hai quyết định hành chính bị khiếu kiện là đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 121/2013; Điều 33 Nghị định số 166/2013; điểm b khoản 1 Điều 28, điểm d khoản 1 Điều 38, điểm d khoản 2 Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính, nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm viện dẫn thiếu một số điều luật nêu trên. Xét lý do người kháng cáo cho rằng Quyết định 610 của Chủ tịch UBND phường Trường Th. được ban hành trái pháp luật, không đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng là không phù hợp với các quy định pháp luật được viện dẫn nêu trên.

[2.2] Về lý do kháng cáo có hai biên bản xác minh cùng giờ cùng ngày 22/7/2017 của UBND phường Trường Th. , mặc dù bút ký tại biên bản phiên tòa ngày 16/10/2018 có hỏi phần này nhưng vấn đề này không được nhận định trong bản án sơ thẩm mà cho rằng Ủy ban làm đúng trình tự thủ tục. Xét tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện đã thừa nhận và giải thích việc thiếu sót này là do cán bộ lập biên bản không kiểm tra đủ chữ ký nên đã khắc phục bằng việc lập một biên

bản khác có đủ các chữ ký của ông Vượng và ông Khương nhưng vẫn đảm bảo về nội dung không thay đổi. Việc thiếu sót này tuy không gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nhưng phía người bị kiện cần phải rút kinh nghiệm về vấn đề này trong khi xử lý vi phạm hành chính.

[2.3] Về lý do kháng cáo Quyết định số 676 không xác định vị trí vi phạm mà ghi vị trí theo họa đồ hiện trạng do công chức địa chính phường lập nhưng không thấy người bị kiện cung cấp và bản án sơ thẩm không được đề cập. Xét lời khai của người bị kiện tại phiên tòa phúc thẩm đã giải thích họa đồ hiện trạng là bản vẽ xác định ranh giới thửa đất của Công ty TNHH tư vấn Xây dựng Địa ốc Vạn Phú Thịnh lập ngày 23/5/2017 theo yêu cầu đo vẽ của UBND phường Trường Th. , nên lý do kháng cáo này không có cơ sở.

[2.4] Về lý do kháng cáo vị trí công trình xây dựng bị cưỡng chế thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ số 37 theo tài liệu 2005 không đúng với vị trí vi phạm thuộc một phần thửa 33, tờ bản đồ 37 theo tài liệu 2005 của các văn bản của người bị kiện nhưng cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Để có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập bổ sung và được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H. - Chi nhánh quận Thủ Đức. trả lời tại Công văn số 1988 ngày 15/5/2019 như sau: Khu đất 33 được thể hiện trên Bản đồ hiện trạng vị trí số 1736 ngày 04/11/2015 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Thủ Đức. là số thứ tự 33 trên tổng số 138 trường hợp thuộc khu thành lính, được sử dụng để cập nhật vào Bảng ghi chú diện tích hiện trạng phục vụ mục đích quản lý khu đất công trên địa bàn quận Thủ Đức. . Vị trí khu đất số 33 nêu trên thuộc một phần thửa đất số 13, tờ bản đồ số 37 theo tài liệu bản đồ năm 2005. Do đó, công trình vi phạm bị cưỡng chế tháo dỡ theo Quyết định số 610 và Quyết định số 676 là đúng vị trí, nên lý do kháng cáo này không có cơ sở.

[2.5] Về lý do kháng cáo theo Văn bản số 5790 ngày 26/7/2017 của Sở Tài chính Thành phố H. và Văn bản số 7081 ngày 07/12/2016 của UBND Thành phố H. thì trường hợp của ông H. không thuộc phải tháo dỡ, tuy nhiên, theo lời khai của người bị kiện thì ông H. sử dụng xây công trình vi phạm trên phần đất công do nhà nước quản lý, nên không có cơ sở để vận dụng các văn bản này.

[2.6] Về hành vi vi phạm của ông Hiếu:

Theo người kháng cáo thì người bị kiện ban hành các quyết định trên cơ sở xác minh ông H. vi phạm xây dựng vào năm 2014 mà không cần biết ngày tháng nào ông H. vi phạm là không làm đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Hiếu, vì nếu công trình xây trước ngày Luật xây dựng năm 2014 có hiệu lực sẽ được phép tồn tại theo luật định. Xét vấn đề này cũng không được đặt ra trong bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, theo lời khai của người bị kiện căn cứ vào Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1736 ngày 04/11/2015 và hợp đồng đo đạc số 1736 ngày 03/11/2014 giữa UBND quận Thủ Đức. với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thủ Đức. , có cơ sở để chứng minh tại thời điểm tiến hành thủ tục đo vẽ để xác lập phần đất công vào tháng 11/2014 đã thể hiện không có công

trình vi phạm của ông Hiếu, nên lý do kháng cáo này của ông H. không được chấp nhận.

[2.7] Về lý do kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các chứng cứ, cụ thể Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/12/2018 có hai người làm chứng là ông Vượng và ông Khương đều xác định ông H. sử dụng phần đất này trên 20 năm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Hội đồng xét xử sơ thẩm không đánh giá tài liệu, chứng cứ này trong bản án sơ thẩm là chưa đầy đủ. Bởi lẽ nhiều tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hai người làm chứng là ông Nguyễn Đức V1. và ông Đậu Văn Kh. có nhiều lời khai chưa rõ ràng liên quan đến việc chứng kiến ông H. xây dựng phần công trình vi phạm vào năm 2014. Để có cơ sở giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử đã tiến hành thu thập bổ sung lời khai của hai người làm chứng nêu trên. Căn cứ vào lời khai của ông Vượng và ông Khương tại Biên bản lấy lời khai vào ngày 08/7/2019 và ngày 07/8/2019, cũng như lời khai bổ sung của ông Vượng tại phiên tòa phúc thẩm, xác định ông H. xây dựng phần công trình vi phạm vào năm 2014, cụ thể sau thời điểm xử lý vi phạm của công trình tiếp giáp với công trình vi phạm của ông Hiếu, nên lý do kháng cáo việc ông Khương và ông Vượng xác định ông H. sử dụng phần đất có công trình vi phạm trên 20 năm là không có cơ sở.

[2.8] Về lý do kháng cáo cho rằng: Năm 2014 ông H. không có hành vi vi phạm xây dựng không có giấy phép xây dựng theo quy định vì công trình đã có từ năm 1988 được người khởi kiện chứng minh bằng các hình ảnh được chụp vào năm 1998 và hình ảnh hiện trạng khi bị cưỡng chế tháo dỡ. Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông H. có sự thay đổi lời khai xác định lại việc xây công trình vi phạm vào khoảng thời gian từ năm 1998 đến 1999 nhưng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, trong khi đó phía người bị kiện lập luận cho rằng theo Bản vẽ hiện trạng vị trí số 1736 ngày 04/11/2015 và tài liệu Google map năm 2013, 2014 thì thời điểm đi tiến hành đo vẽ của bản vẽ này thể hiện chưa có công trình vi phạm của ông Hiếu, nên lý do kháng cáo này không có cơ sở.

[2.9] Việc luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông H. cho rằng hành vi xây dựng của ông H. là hành vi xây dựng trên đất không được phép xây dựng, đồng thời cho rằng Ủy ban phường chỉ cưỡng chế tháo dỡ phần diện tích 5,9m² trong khi toàn bộ công trình được cho là vi phạm gồm kết cấu toàn bộ khung sắt ngang 4m dài 8m là không hợp lý. Phía người bị kiện cho rằng có nhiều hành vi vi phạm trên đất nhưng hiện chỉ xử lý một hành vi và một phần công trình vi phạm, những phần còn lại sẽ xem xét xử lý sau. Xét việc Chủ tịch UBND phường Trường Th. xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính của ông H. theo Quyết định số 610 và Quyết định số 676 là phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nêu trên, nên lập luận này của luật sư không đủ cơ sở được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các thiếu sót của Tòa cấp sơ thẩm trong việc đánh giá tài liệu, chứng cứ nêu trên tuy

không gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người kháng cáo, nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm để việc đánh giá tài liệu, chứng cứ đầy đủ, khách quan và toàn diện hơn.

Xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy phần yêu cầu kháng cáo của về việc sửa án sơ thẩm, tuyên hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Chí H. là không có cơ sở.

[3]- Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1- Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. về việc bỏ phần quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Chí H. yêu cầu Chủ tịch UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức. bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, do ông H. rút đơn ngày 24/5/2018.

2- Sửa một phần Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 113/2018/QĐ-TA ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. về phần án phí hành chính sơ thẩm.

3- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí H.. Giữ nguyên các phần quyết định còn lại của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 16/10/2018 và Quyết định số 113/2018/QĐ-TA ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. , Thành phố H. .

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H. về việc hủy Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra và Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức. , Thành phố H. .

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H. về việc yêu cầu UBND phường Trường Th. , quận Thủ Đức. bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí hành chính sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Chí H. được miễn nộp. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Chí H. số tiền tạm

ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0037254 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng ông Nguyễn Chí H. tự nguyện chịu, được căn trừ vào số tiền 1.000.000 đồng đã nộp theo Phiếu thu ngày 08/01/2018.

4- Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Chí H. không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh ;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh ;
- Tòa án nhân dân quận Thủ Đức ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hải

